

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/10/2019

Về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Bà Đỗ Thị Hồng Khánh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

- *Đại diện VKSND thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*
bà Lê Phương Thùy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2019, về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXX - ST, ngày 09/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị X, sinh năm 1989

HKTT: xóm A, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh 1982

HKTT: xóm T, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

(Có mặt chị X, vắng mặt anh T không có lý do tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/7/2019, các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày: chị và anh Ngô Văn T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn anh chị được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn.

Sau khi kết hôn, chị về làm dâu, chung sống cùng gia đình anh T tại xóm T, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do anh T không chịu làm ăn, uống rượu say, sử dụng bạo lực với chị. Do con còn nhỏ và cũng muốn cho anh T thêm cơ hội để thay đổi nên chị cũng đã bỏ qua cho anh T nhiều lần nhưng không có kết quả. Gia đình đã can thiệp, khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Anh T đi làm có thu nhập nhưng cũng chỉ để chi tiêu cá nhân, không cùng chị lo chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Do bị anh T đánh nhiều lần, tháng 8/2017 chị xin phép gia đình cho chị về bố mẹ đẻ ở một thời gian để xem anh T có thay đổi tâm tính không, nhưng anh T không thay đổi vẫn chơi bời, rượu chè nên chị quyết định không quay lại chung sống cùng anh Trung nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Trong thời gian ly thân, anh T cũng có thỉnh thoảng đến thăm con nhưng không nói đến chuyện vợ chồng về đoàn tụ. Thời điểm chị làm đơn ly hôn, anh T đồng ý và ký vào đơn ly hôn tuy nhiên khi Tòa án báo gọi anh đến để giải quyết, gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Ngô Quang H, sinh ngày 20/6/2014, từ khi ly thân đến nay, con chung ở cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Công việc hiện tại của chị là phục vụ tại một cửa hàng ăn uống, mức lương hàng tháng 5.000.000đ, chị xác định hoàn toàn có khả năng về kinh tế để chăm sóc con.

Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Ngô Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng không chấp hành các giấy báo gọi của Tòa án, không thể hiện quan điểm về yêu cầu xin ly hôn, giải quyết quyền nuôi con chung của chị Xiêm, vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị X, cho chị X được ly hôn với anh Ngô Văn T.

- Về con chung: áp dụng 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình đình, giao con chung Ngô Quang H, sinh ngày 20/6/2014 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị X có yêu cầu. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung, khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Án phí: áp dụng khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Lê Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án, HĐXX nhận định:

{1} Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lê Thị X khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn đối với bị đơn anh Ngô Văn T. Anh T có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã Phúc T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

{1.2} Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2 cho anh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do, do đó việc hòa giải tại Tòa án không thành, Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên căn cứ Điều 220 Bộ luật TTDS 2015, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần 1, anh T vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ngô Văn T

{2} Về nội dung: chị Lê Thị X khởi kiện xin ly hôn đối với anh Ngô Văn T và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con chung, xét yêu cầu khởi kiện của chị X, hội đồng xét xử nhận thấy:

{2.1} Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị X và anh Ngô Văn T tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã Phổ Yên, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị X do anh T không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu. Chị X có khuyên bảo thì anh chửi bới, đánh đập chị dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc và trên thực tế anh chị cũng đã ly thân từ tháng 8/2017 đến nay.

Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành, không hợp tác để thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị X, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật cũng như hôn nhân của anh chị, gây khó khăn trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 03/9/2019 của Tòa án với bà Trần Thị T là mẹ đẻ anh T, bà T cung cấp: anh T và chị X kết hôn năm 2013, sau khi kết hôn anh chị ở chung cùng với gia đình bà. Khi chị X sinh con được 1 tháng thì ông bà cho anh chị ra ở riêng trên đất, nhà của gia đình. Quá trình chung sống, giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau nguyên nhân do anh T ham chơi lô đề, cờ bạc, không lo lắng về kinh tế cho gia đình, vợ con. Do mâu thuẫn nên chị X cũng đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, thị xã Phổ Yên sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Khi chị X làm đơn ly hôn anh T đã ký đơn ly hôn và nói chuyện với gia đình về việc vợ chồng ly hôn. Quan điểm của gia đình là chuyện tình cảm của anh chị để anh chị tự quyết định.

Anh T hiện đang làm việc tại khu công nghiệp Đ nhưng địa chỉ cụ thể gia đình không nắm được.

Về con chung của anh chị: cháu Ngô Quang H, sinh ngày 20/6/2014 đang ở cùng với chị X. Chị X đề nghị được nuôi con, gia đình nhất trí, không có ý kiến gì vì anh T không có thu nhập để nuôi con.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung.

Bà T xác định gia đình đã nhận được những văn bản tố tụng của Tòa án, đã giao lại cho anh T còn việc anh T có đến Tòa án không thì không nắm được. Nếu anh T vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh T.

Tại biên bản xác minh ngày 03/9/2019, ông Nguyễn Mạnh H - Công an viên xóm T, xã Phúc Thuận cung cấp: Anh Ngô Văn T là công dân của xóm T, xã P. Năm 2013 anh T, chị X kết hôn và chung sống cùng với gia đình anh T. Về quá trình chung sống, chính quyền xóm không nắm được vì là nội bộ gia đình, không có đơn trình báo của anh chị về việc có mâu thuẫn. Từ năm 2017 đến nay, không thấy chị X và con chung của anh chị ở tại xóm Tân Ấp 2 nữa. Tại địa phương, anh T có tiếng là ham chơi lô đề, cờ bạc, gia đình đã phải trả tiền cho anh nhiều lần.

Quá trình giải quyết vụ án, chính quyền xóm cũng đã phối hợp cùng Tòa án đến gia đình anh T để giao các văn bản tố tụng cho anh T. Gia đình anh T đã nhận văn bản tố tụng nhưng anh T không hợp tác, không lên Tòa án. Do vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ lời khai của chị X, bà T, ông H cho thấy mâu thuẫn giữa chị X, anh T là có và trên thực tế chị X, anh T đã không chung sống từ tháng 8/2017 cho đến nay. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, kéo dài và

không còn khả năng đoàn tụ nên cần chấp nhận cho chị X được ly hôn với anh Trung, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014.

{2.2} *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Ngô Quang H, sinh ngày 20/6/2014. Chị X đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, từ khi anh chị ly thân cho đến nay, chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, do vậy cần giao con chung cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị X tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, do vậy cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Trung có đến khi chị X có yêu cầu.

{2.3} *Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung*: không có, không xem xét.

{2.4} *Án phí*: chị Lê Thị X chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Lê Thị X với anh Ngô Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị X được ly hôn anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: giao con chung Ngô Quang H, sinh ngày 20/6/2014 cho chị Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi có yêu cầu.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có

4. Án phí: Chị Lê Thị X phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0004420 ngày 10/7/2019.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị X, chị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết kết quả xét xử.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS Phố Yên;
- UBND xã Phúc Thuận
- Dương sự;
- Lưu.

Mạc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Thị Hồng

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, Huyện;
- THA dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Chu Thị Hồng Hải